

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13-11-2018.

“V/v: *Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR –TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bào.

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27/08/2018, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXX-ST, ngày 10/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ksor H'B, Sinh năm 1980 - *Có mặt*.

Trú tại: Buôn G, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Rcăm S, Sinh năm 1986 - *Vắng mặt*.

Trú tại: Buôn G, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đắk Trung.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Ksor H'B trình bày:

Tôi và anh Rcăm S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình duy trì cuộc sống chung: Thời gian đầu chúng tôi cũng chung sống đầm ấm,

hạnh phúc. Tuy vào năm 2015, anh Rcăm S đã có hành vi hiếp dâm con gái riêng của tôi, cho nên từ đó dẫn đến cuộc sống giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Hiện tại anh Rcăm S đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đắk Trung. Nay tôi xác định không còn tình cảm thương yêu với anh Rcăm S nữa, nên tôi đề nghị Tòa án tuyên bố chúng tôi không phải là vợ chồng để giải thoát cho cả hai người.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi đã có với nhau 02 người con chung, con lớn là Ksor H'B, sinh ngày 04/5/2006, cháu đã chết vào ngày 01/01/2018 do bệnh tật; còn cháu Ksor Y Z, sinh ngày 07/6/2012 hiện cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường và đang ở với mẹ. Nay tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về tài sản chung và nợ chung : Không có tài sản chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn:** Ông Rcăm S tại bản tự khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như phần trình bày của chị Ksor H'B là hòa toàn đúng, tôi không bổ sung gì thêm. Hiện tại tôi đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đắk Trung, với mức án là 18 năm tù về hành vi hiếp dâm con riêng của vợ tôi. Nay vợ tôi có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận chúng tôi là vợ chồng quan điểm của tôi là đồng ý với yêu cầu của vợ tôi.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi đã có với nhau 02 người con chung, con lớn là Ksor H'B, sinh ngày 04/5/2006 (*cháu mất ngày 01/01/2018 do bệnh tật*); còn cháu Ksor Y Z, sinh ngày 07/6/2012, hiện cháu đang ở với mẹ, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay vợ tôi có nguyện vọng nuôi con tôi đồng ý để vợ tôi nuôi, vì hiện tại tôi đang chấp hành án tù nên không có điều kiện để chăm sóc cháu. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về tài sản chung và nợ chung : Không có tài sản chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà bà Ksor H'B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình xét xử và của Hội đồng xét xử, Thư ký và của đương sự tại phiên tòa, cũng như phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

- *Đối với Thẩm phán:* Đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với HĐXX:* Đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- *Đối với đương sự:*

+/ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+/ Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Ksor H'B và ông Rcăm S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân bất hợp pháp. Vì vậy căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ksor H'B; tuyên bố Bà Ksor H'B và ông Rcăm S không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung, con lớn là Ksor H'B, sinh ngày 04/5/2006 (*mất ngày 01/01/2018*) và cháu Ksor Y Z, sinh ngày 07/6/2012. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Ksor H'B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì ông Rcăm S đang chấp hành án tù. Nguyện vọng của bà Ksor H'B là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với hoàn cảnh của ông bà. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí HNGĐ-ST: Bà Ksor H'B phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng:*** Bị đơn ông Rcăm S hiện đang chấp hành án phạt tù cho nên ông không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án, quá trình giải quyết ông có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. ***Về quan hệ pháp luật:*** Nguyên đơn yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CuM'gar được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. ***Về nội dung:*** Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để khẳng định: Bà Ksor H'B và ông Rcăm S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Luật hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp.

Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân: Theo ông bà khai thì thời gian đầu ông bà chung sống với nhau hạnh phúc và hòa thuận. mâu thuẫn chỉ phát sinh sau thời điểm ông Rcăm S có hành vi hiếp dâm con riêng của vợ vào năm 2015; hiện tại ông Rcăm S đang phải chịu mức án 18 năm tù và đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung.

[4] Tại phiên tòa bà Ksor H'B vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy; hôn nhân của ông bà là trái luật, mâu thuẫn giữa Bà Ksor H'B và ông Rcăm S là thực tế, rất trầm trọng và kéo dài. Tuy nhiên cả Bà Ksor H'B và ông Rcăm S đều không có ý thức khắc phục, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Ksor H'B và ông Rcăm S là có căn cứ.

- *Về con chung*: Ông bà có với nhau 02 con chung là Ksor H'B, sinh ngày 04/5/2006 (*cháu mất ngày 01/01/2018*) và Ksor Y Z, sinh ngày 07/6/2012. Tại phiên tòa bà Ksor H'B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại vì ông Rcăm S đang chấp hành án tù dài hạn (*18 năm*), cho nên không có điều kiện và khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Vì vậy cần giao cháu Ksor Y Z cho bà Ksor H'B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Ksor H'B phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

- *Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.*

- *Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.*

- *Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ksor H'B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Ksor H'B và ông Rcăm S là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao cháu Ksor Y Z, sinh ngày 07/6/2012 cho bà Ksor H'B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên bố mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Rcăm S được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* bà Ksor H'B phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004294, ngày 27/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**** Nơi nhân:***

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHA huyện Cư M'gar;
- CCTHA huyện Ea Hleo;
- UBND xã D, E
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN QUANG CẢNH